

# TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THỂ DỤC THỂ THAO QUẦN CHÚNG

Nguyễn Cẩm Ninh\*  
Lộc Đình Cường\*\*  
Đào Văn Thăng\*\*\*

## Tóm tắt:

Bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy đề tài tiến hành lựa chọn các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá sự phát triển bền vững thể dục thể thao (TDTT) quần chúng đảm bảo tính khoa học và độ tin cậy, làm công cụ đánh giá sự phát triển bền vững TDTT quần chúng trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:** Tiêu chí, tiêu chuẩn, phát triển bền vững, Thể dục thể thao quần chúng.

## Selecting criteria to evaluate the sustainable development of mass physical education and sports

### Summary:

By regular scientific research methods, selecting criteria for evaluating the sustainable development of mass physical education and sports, ensuring the scientific basis and reliability, in order to assess the sustainable development of mass physical education and sports in the current period.

**Keywords:** Criteria, sustainable development, mass physical education and sports.

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Để đánh giá sự phát triển TDTT, trong thời gian qua Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã ban hành những tiêu chí để đánh giá, như: Thông tư số 08/2012/TT-BVHTTDL ngày 10/9/2012 Quy định nội dung đánh giá phát triển thể dục, thể thao: Theo Điều 12 của Luật Thể dục, thể thao năm 2006, "Phong trào thể dục, thể thao quần chúng được đánh giá bằng chỉ tiêu về số người tập luyện thường xuyên và số gia đình thể thao".

Ngày 17/01/2019 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư số 01/2019/TT-BVHTTDL quy định chi tiết việc đánh giá phong trào thể dục, thể thao quần chúng bằng các tiêu chí theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018. Theo đó, có 6 tiêu chí đánh giá gồm: Người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên; Gia đình thể thao; Cộng tác viên thể dục thể thao; Câu lạc bộ thể thao cơ sở và cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao; Số công trình thể thao; Số giải thể thao tổ chức hàng năm.

Hiện nay, TDTT quần chúng phát triển sâu, rộng trên địa bàn cả nước, thể hiện ở sự tăng trưởng về số lượng người tập TDTT thường xuyên, gia đình thể thao, sự phát triển đa dạng của các loại hình tập luyện, các câu lạc bộ TDTT và chất lượng hoạt động TDTT ở từng đối tượng. Do vậy, cần phải lựa chọn những tiêu chí đánh giá sự phát triển TDTT quần chúng có cơ sở khoa học và độ tin cậy để đánh giá sự phát triển bền vững của TDTT quần chúng trong giai đoạn hiện nay.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn, tọa đàm; Phương pháp toán học thống kê.

Phỏng vấn được tiến hành trên 60 chuyên gia, cán bộ quản lý TDTT thuộc 6 tỉnh thành: Lào Cai, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Lâm Đồng, Thành phố Hồ Chí Minh.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Căn cứ kết quả phân tích và tổng hợp các tài liệu có liên quan, đặc biệt là qua ý kiến của các chuyên gia và các nhà khoa học, bước đầu

\*PGS.TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

\*\*TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

\*\*\*ThS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

## BÀI BÁO KHOA HỌC

chúng tôi đã xác định được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển TDTT quần chúng. Kết quả được trình bày tại bảng 1.

Nội dung phỏng vấn là xác định mức độ cần thiết của các tiêu chí đánh giá sự phát triển bền vững TDTT quần chúng. Mỗi câu trả lời mà chúng tôi đưa ra ở 3 mức độ sau: Rất cần thiết; Cần thiết; Không cần thiết. Kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá sự phát triển bền vững TDTT quần chúng được trình bày tại bảng 2.

Kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy: Tần suất trả lời ở phương án “Rất cần thiết” là 611 chiếm 46.3%; phương án “Cần thiết” là 462 chiếm tỷ lệ 35.0%. Như vậy, tổng các phương án trả lời rất cần thiết và cần thiết là 81.3%. Hay nói cách khác là đa số các ý kiến đều lựa chọn các tiêu chí đánh giá sự phát triển bền vững TDTT quần chúng là rất cần thiết.

**Bảng 1. Kết quả tổng hợp các tiêu chí đánh giá sự phát triển bền vững Thể dục thể thao quần chúng**

TT	Tiêu chí và nội dung	Ký hiệu
<b>Tiêu chí 1. Thực hiện và triển khai chủ trương, chính sách về TDTT quần chúng</b>		
1	Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản về TDTT quần chúng	TC1.1
2	Tổ chức phổ biến, tuyên truyền vận động tại các địa phương	TC1.2
3	Mức độ nhận thức của người dân về TDTT quần chúng	TC1.3
4	Chế độ, chính sách đối với cán bộ, hướng dẫn viên, cộng tác viên phong trào TDTT tại cơ sở	TC1.4
<b>Tiêu chí 2. Tiêu chí về nhân lực tổ chức phong trào TDTT quần chúng</b>		
1	Số cán bộ quản lý thể dục thể thao	TC2.1
2	Số cán bộ chuyên trách thể dục thể thao	TC2.2
3	Số cộng tác viên, hướng dẫn viên thể dục thể thao	TC2.3
4	Trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý thể dục thể thao	TC2.4
5	Trình độ chuyên môn của cán bộ chuyên trách TDTT	TC2.5
6	Trình độ chuyên môn của cộng tác viên, hướng dẫn viên TDTT	TC2.6
<b>Tiêu chí 3. Qui mô phong trào TDTT quần chúng</b>		
1	Số người tập luyện TDTT thường xuyên	TC3.1
2	Số gia đình thể thao	TC3.2
3	Số môn thể thao được tham gia tập luyện	TC3.3
4	Mức độ phổ cập các hình thức rèn luyện thân thể	TC3.4
5	Tỉ lệ người đạt tiêu chuẩn thể lực theo độ tuổi, giới tính...	TC3.5
6	Số câu lạc bộ thể dục thể thao	TC3.6
7	Số giải thể thao tổ chức trong năm	TC3.7
<b>Tiêu chí 4. Tiêu chí về cơ sở vật chất phục vụ phong trào TDTT quần chúng</b>		
1	Số sân tập luyện, thi đấu thể thao ngoài trời	TC4.1
2	Số lượng công trình phục vụ hoạt động TDTT	TC4.2
3	Mức độ đáp ứng nhu cầu của các công trình thể thao	TC4.3
4	Số kinh phí hàng năm đầu tư cho phát triển TDTT quần chúng	TC4.4
5	Số lượng các cơ sở kinh doanh dịch vụ TDTT	TC4.5

**Bảng 3. Kết quả thống kê tần suất trả lời lựa chọn tiêu chí đánh giá sự phát triển bền vững Thể dục thể thao quần chúng (n = 60)**

TT	Tiêu chí		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết	Điểm trung bình
1	TC1.1	m <sub>i</sub>	30	19	11	2.31
		%	50.00	31.70	18.30	
2	TC1.2	m <sub>i</sub>	24	25	11	2.22
		%	40.00	41.70	18.30	
3	TC1.3	m <sub>i</sub>	28	22	10	2.3
		%	46.70	36.60	16.70	
4	TC1.4	m <sub>i</sub>	16	21	23	1.88
		%	26.70	35.00	38.30	
5	TC2.1	m <sub>i</sub>	31	19	10	2.35
		%	51.60	31.70	16.70	
6	TC2.2	m <sub>i</sub>	24	24	12	2.2
		%	40.00	40.00	20.00	
7	TC2.3	m <sub>i</sub>	28	23	9	2.32
		%	46.70	38.30	15.00	
8	TC2.4	m <sub>i</sub>	31	21	8	2.38
		%	51.70	35.00	13.30	
9	TC2.5	m <sub>i</sub>	47	13	0	2.78
		%	78.30	21.70	0.00	
10	TC2.6	m <sub>i</sub>	28	20	12	2.27
		%	46.70	33.30	20.00	
11	TC3.1	m <sub>i</sub>	31	22	7	2.4
		%	51.70	36.70	11.70	
12	TC3.2	m <sub>i</sub>	47	11	2	2.75
		%	78.30	18.30	3.30	
13	TC3.3	m <sub>i</sub>	27	21	12	2.25
		%	45.00	35.00	20.00	
14	TC3.4	m <sub>i</sub>	11	21	28	1.72
		%	18.30	35.00	46.70	
15	TC3.5	m <sub>i</sub>	31	20	9	2.37
		%	51.70	33.30	15.00	
16	TC3.6	m <sub>i</sub>	25	25	10	2.25
		%	41.70	41.70	16.70	
17	TC3.7	m <sub>i</sub>	28	22	10	2.3
		%	46.70	36.60	16.70	
18	TC4.1	m <sub>i</sub>	29	22	9	2.33
		%	48.30	36.60	15.00	
19	TC4.2	m <sub>i</sub>	26	23	11	2.25
		%	43.30	38.30	18.30	
20	TC4.3	m <sub>i</sub>	15	22	23	1.87
		%	25.00	36.70	38.30	
21	TC4.4	m <sub>i</sub>	30	20	10	2.33
		%	50.00	33.30	16.70	
22	TC4.5	m <sub>i</sub>	24	26	10	2.23
		%	40.00	43.30	16.70	

**Bảng 2. Thống kê tần suất trả lời về lựa chọn tiêu chí (n = 60)**

TT	Phương án trả lời	Tần suất	Tỷ lệ (%)
1	Rất cần thiết	611	46.30
2	Cần thiết	462	35.00
3	Không cần thiết	247	18.70
	<b>Tổng</b>	<b>1320</b>	<b>100</b>

Để xác định cụ thể các phương án trả lời cho từng tiêu chí đánh giá sự phát triển bền vững TDDT quần chúng, chúng tôi thống kê số người trả lời ở từng tiêu chí đã phỏng vấn theo các phương án trả lời. Đồng thời tính điểm theo thang đo Likert. Kết quả như được trình bày ở bảng 3.

Qua bảng 3 thấy: Tỷ lệ trả lời các câu hỏi về đánh giá sự cần thiết của mỗi tiêu chí ở các mức độ khác nhau. Khi tính điểm trung bình theo thang đo Likert thì cao nhất là 2.78 điểm và thấp nhất là 1.72 điểm. Như vậy, đa số các ý kiến phỏng vấn đều lựa chọn 4 nhóm tiêu chí đánh giá sự phát triển bền vững Thể dục thể thao quần chúng đã được lựa chọn. Kết quả xác định độ tin cậy của kết quả phỏng vấn thu được như trình bày ở bảng 4.

Kết quả tính toán Cronbach's Alpha bằng phần mềm SPSS 16.0 cho thấy: Biến quan sát TC1.4 có hệ số tương quan biến tổng là  $0.199 < 0.3$ . Giá trị Cronbach's Alpha là  $0.861 > 0.740$ ; Biến quan sát TC3.4 có hệ số tương quan biến tổng là  $0.255 < 0.3$ . Giá trị Cronbach's Alpha là

**Bảng 4. Độ tin cậy của kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí (lần 1)**

Tiêu chí	Item-Total Statistics				Cronbach's Alpha
	Scale Mean if Item Deleted (Trung bình thang đo nếu loại biến)	Scale Variance if Item Deleted (Phương sai thang đo nếu loại biến)	Corrected Item-Total Correlation (Tương quan biến tổng)	Cronbach's Alpha if Item Deleted (Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến)	
TC1.1	64.000	2.820	0.713	0.572	0.74
TC1.2	65.000	3.068	0.635	0.623	
TC1.3	64.167	2.993	0.666	0.605	
TC1.4	68.333	3.972	0.199	0.861	
TC2.1	119.500	6.896	0.71	0.818	0.855
TC2.2	121.000	7.515	0.531	0.853	
TC2.3	119.833	7.203	0.656	0.828	
TC2.4	119.167	7.298	0.64	0.832	
TC2.5	115.167	8.457	0.683	0.839	
TC2.6	120.333	6.711	0.735	0.812	
TC3.1	136.333	8.982	0.585	0.791	0.82
TC3.2	132.833	9.596	0.648	0.79	
TC3.3	137.833	8.139	0.717	0.766	
TC3.4	143.167	10.084	0.255	0.848	
TC3.5	136.667	8.429	0.685	0.773	
TC3.6	137.833	9.122	0.511	0.804	
TC3.7	137.333	8.673	0.61	0.787	
TC4.1	86.833	5.406	0.644	0.772	0.818
TC4.2	87.667	4.928	0.788	0.726	
TC4.3	91.500	6.672	0.201	0.898	
TC4.4	86.833	5.068	0.735	0.744	
TC4.5	87.833	5.088	0.771	0.734	



**Tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên là tiêu chí quan trọng trong đánh giá sự phát triển của TDTT quần chúng**

**Bảng 5. Độ tin cậy của kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí (lần 2)**

Tiêu chí	Item-Total Statistics				Cronbach's Alpha
	Scale Mean if Item Deleted (Trung bình thang đo nếu loại biến)	Scale Variance if Item Deleted (Phương sai thang đo nếu loại biến)	Corrected Item-Total Correlation (Tương quan biến tổng)	Cronbach's Alpha if Item Deleted (Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến)	
TC1.1	45.167	1.712	0.827	0.717	0.861
TC1.2	46.167	2.003	0.681	0.856	
TC1.3	45.333	1.948	0.709	0.831	
TC2.1	119.500	6.896	0.71	0.818	0.855
TC2.2	121.000	7.515	0.531	0.853	
TC2.3	119.833	7.203	0.656	0.828	
TC2.4	119.167	7.298	0.64	0.832	
TC2.5	115.167	8.457	0.683	0.839	
TC2.6	120.333	6.711	0.735	0.812	
TC3.1	119.167	7.264	0.625	0.823	0.848
TC3.2	115.667	8.046	0.617	0.83	
TC3.3	120.667	6.572	0.736	0.8	
TC3.5	119.500	6.862	0.696	0.809	
TC3.6	120.667	7.487	0.519	0.844	
TC3.7	120.167	7.068	0.624	0.824	
TC4.1	68.167	4.220	0.642	0.914	
TC4.2	69.000	3.685	0.841	0.842	
TC4.4	68.167	3.779	0.796	0.859	
TC4.5	69.167	3.840	0.817	0.852	



**Việc trang bị hệ thống thiết bị tập luyện TDTT công cộng đã giúp phát triển phong trào tập luyện TDTT ở nhiều khu dân cư**

0.848 > 0.820; Biến quan sát TC4.3 có hệ số tương quan biến tổng là 0.201 < 0.3; Giá trị Cronbach's Alpha là 0.898 > 0.818. Nghiên cứu loại biến TC1.4; TC3.4; TC4.3 nhằm tăng độ tin cậy của thang đo. Chạy lại kiểm định lần thứ 2, kết quả trình bày tại bảng 5.

Kết quả kiểm định cho thấy các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng phù hợp ( $\geq 0.3$ ). Hệ số Cronbach's Alpha đều  $\geq 0.6$  nên đạt yêu cầu về độ tin cậy.

### **KẾT LUẬN**

Thông qua việc sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu và xác định độ tin cậy, kết quả phỏng vấn, chúng tôi đã xác định được 4 nhóm tiêu chí đánh giá sự phát triển bền vững Thể dục thể thao quần chúng. Cụ thể như sau:

#### **Tiêu chí 1. Thực hiện và triển khai chủ trương, chính sách về TDTT quần chúng**

- Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản về TDTT quần chúng;
- Tổ chức tuyên truyền vận động tại các địa phương;
- Mức độ nhận thức của người dân về TDTT quần chúng;

#### **Tiêu chí 2. Tiêu chí về nhân lực tổ chức phong trào TDTT quần chúng**

- Số cán bộ quản lý thể dục thể thao;
- Số cán bộ chuyên trách thể dục thể thao;
- Số cộng tác viên thể dục thể thao;
- Trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý TDTT;

- Trình độ chuyên môn của cán bộ chuyên trách TDTT;
- Trình độ chuyên môn của cộng tác viên TDTT;

#### **Tiêu chí 3. Qui mô phong trào thể dục thể thao quần chúng**

- Số người tập luyện TDTT thường xuyên;
- Số gia đình thể thao;
- Số môn thể thao được tham gia tập luyện;
- Tỷ lệ người đạt tiêu chuẩn thể lực theo độ tuổi, giới tính...
- Số câu lạc bộ thể dục thể thao;
- Số giải thể thao tổ chức trong năm;

#### **Tiêu chí 4. Tiêu chí về cơ sở vật chất phục vụ phong trào TDTT quần chúng**

- Số sân tập luyện, thi đấu thể thao ngoài trời;
- Số lượng công trình phục vụ hoạt động TDTT;
- Số kinh phí hàng năm đầu tư cho phát triển TDTT quần chúng;
- Số lượng các cơ sở kinh doanh dịch vụ TDTT.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Ngọc Kim Anh (2013), “Nghiên cứu phát triển thể dục thể thao quần chúng xã, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Bắc”, *Luận án tiến sĩ giáo dục học*, Viện khoa học TDTT, Hà Nội.
2. Phạm Đình Bẩm (2005), *Một số vấn đề cơ bản về quản lý TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
3. Phạm Tuấn Hiệp (2013), “Duy trì và phát triển loại hình tập luyện thể dục thể thao dựa vào phúc lợi xã hội ở xã, phường, thị trấn của tỉnh Bắc Ninh”, *Luận án tiến sĩ giáo dục học*, Viện khoa học TDTT, Hà Nội.
4. Đặng Quốc Nam (2006), “Nghiên cứu các giải pháp xã hội hoá nhằm khai thác tiềm năng để phát triển thể dục thể thao quần chúng ở thành phố Đà Nẵng”, *Luận án tiến sĩ giáo dục học*, Viện khoa học thể dục thể thao, Hà Nội.
5. Trần Ngọc Phác, Trần Thị Kim Thu (2006), *Giáo trình lý thuyết thống kê*, Nxb Thống kê, Hà Nội.